

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/8

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.04.2017
Sản phẩm: **FoamStar® SI 2293**

Phiên bản: 2.0

(30537951/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 21.10.2025

1. Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

FoamStar® SI 2293

Sử dụng: chất ngăn tạo bọt (defoamer)

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng nguy hiểm

Phân loại về chất và hợp chất:

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat. 2

| Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat. 3

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Cảnh báo nguy cơ:

| Nguy hại đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài. Độc đối với sinh vật thủy sinh.

Biện pháp phòng ngừa:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.04.2017
Sản phẩm: **FoamStar® SI 2293**

Phiên bản: 2.0

(30537951/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 21.10.2025

Tránh thải vào môi trường.

Lưu ý khi thải bỏ:

Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Không có các mối nguy hiểm cụ thể, nếu xem xét các quy định/lưu ý về cất trữ và xử lý.

3. Thông tin về thành phần nguy hiểm

Bản chất của hoá chất

Chất tiền chế dựa trên: alcohol ethoxylate, polyether - polysiloxane được điều chỉnh

Thành phần nguy hại

Laurylmyristyl polyglycol ether with EO and PO

Hàm lượng (W/W): $\geq 75\%$

Số CAS: 68439-51-0

Aquatic Acute: Cat. 2

Aquatic Chronic: Cat. 3

4. Biện pháp sơ cấp cứu khi gặp tai nạn

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:

Nếu cảm thấy khó chịu sau khi hít phải hơi nước/sol khí, di chuyển ra nơi có không khí trong lành và gọi bác sĩ.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:

Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:

Súc miệng và sau đó uống nhiều nước.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Không phát hiện bất cứ phản ứng đáng kể nào của cơ thể đối với sản phẩm.

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Phun nước, bột khô, bọt

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

Vòi phun nước

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.04.2017
Sản phẩm: **FoamStar® SI 2293**

Phiên bản: 2.0

(30537951/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 21.10.2025

Những mối nguy hiểm cụ thể:
những chất dạng hơi có hại
Sự phát triển của khói/sương. Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:
Mức độ rủi ro được kiểm soát bởi chất cháy và các điều kiện cháy. Nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất phải được thải bỏ theo các quy định chính thức.

6. Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

Những cảnh báo cá nhân:
Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Yêu cầu sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp.

Cảnh báo môi trường:
Chứa nước nhiễm bẩn/nước chữa cháy. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:
Cho lượng lớn: Bơm hút sản phẩm.
Cho phần còn lại: Thu gom bằng vật liệu thấm hút phù hợp. Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

7. Sử dụng và bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Không phương thức đặc biệt nào cần thiết với điều kiện sản phẩm được sử dụng đúng cách.

Phòng chống cháy nổ:
Lưu ý biện pháp phòng ngừa mạch tĩnh điện.

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Bảo quản vật chứa kín và khô; cất trữ nơi thoáng mát.

8. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp chưa được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:
Bảo vệ hô hấp khi hơi/ aerosol thoát ra. Bộ lọc hạt có hiệu suất trung bình đối với các hạt rắn và lỏng (vd. EN 143 hay 149, Loại P2 hay FFP2)

Bảo vệ tay:
Găng tay bảo vệ chống hóa chất

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.04.2017
 Sản phẩm: **FoamStar® SI 2293**

Phiên bản: 2.0

(30537951/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 21.10.2025

V?t li?u phù h?p n?u ti?p xúc ng?n h?n (?? ngh?: ít nh?t là ch? s? b?o v? 2, t??ng ?ng >30 phút th?i gian th?m th?u theo EN 374)

cao su butil - bề dày lớp phủ 0.7 mm

cao su nitril (NBR) - bề dày lớp phủ 0.4 mm

Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất
 gắng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều
 điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các gắng tay chống hoá chất có thể
 ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chấn bảo vệ các cạnh.

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Đề nghị mặc trang phục làm việc bó sát.

9. Đặc tính hóa lý

Dạng: chất lỏng
 Màu sắc: không màu
 Mùi: đặc trưng của sản phẩm
 Ngưỡng mùi: Chưa xác định bởi các nguy cơ tiềm tàng đối với sức khỏe do hít phải
 hóa chất.

Giá trị pH: không được xác định

Điểm làm lạnh: không được xác định

Điểm sôi: không được xác định

Điểm chớp cháy: > 100.00 °C (DIN 51755)

Tốc độ bay hơi: không được xác định

Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas): không bắt cháy

Giới hạn nổ dưới (LEL): Các chất lỏng không áp dụng quy
 định phân loại và dán nhãn., Giới
 hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 -
 15 °C so với độ chớp cháy.

Giới hạn nổ trên (UEL): Các chất lỏng không áp dụng quy
 định phân loại và dán nhãn.

Nhiệt độ tự cháy: không được xác định

Phân huỷ do nhiệt: không được xác định

Tự bắt cháy: không tự cháy
 Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở
 nhiệt độ phòng

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.04.2017
 Sản phẩm: **FoamStar® SI 2293**

Phiên bản: 2.0

(30537951/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 21.10.2025

Nguy cơ nổ:	không nổ	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	không được xác định	
Tỷ trọng:	0.9500 - 1.0500 g/cm ³ (25.0 °C)	(ISO 2811-3)
Tỷ trọng tương đối:	0.9500 - 1.0500	
Tỷ trọng hơi (không khí):	không được xác định	
Tính tan trong nước:	đễ nhũ tương hoá	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	không áp dụng đối với hỗn hợp chất	
Sức căng bề mặt:	Không có sẵn các dữ liệu.	
Tính nhớt, động lực:	20.00 - 300.00 mPa*s (25.0 °C)	(DIN EN ISO 2555)
Tính nhớt, động học:	21.5 - 315 mm ² /s (25 °C)	

Hàm lượng các chất rắn: tương đương 100 %

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Những điều kiện cần tránh:
 Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt: không được xác định

Những chất cần tránh:
 Không có bất cứ vấn đề nào trong quá trình sử dụng và bảo quản nếu tuân thủ các hướng dẫn từ nhà sản xuất.

Những phản ứng nguy hiểm:
 Không xảy ra các phản ứng nguy hiểm khi cất trữ và sử dụng theo hướng dẫn.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:
 Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

11. Thông tin về độc tính

Độc độc cấp tính

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
 LD₅₀ (miệng): > 5,000 mg/kg
 Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

ATE (bằng cách hít phải): > 20 mg/l

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.04.2017
Sản phẩm: **FoamStar® SI 2293**

Phiên bản: 2.0

(30537951/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 21.10.2025

Xác định sự hóa hơi Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

ATE (bằng cách hít phải): > 5 mg/l

Xác định đối với dạng sương. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

ATE (da): > 5,000 mg/kg

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Kích ứng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Dị ứng da/hô hấp

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Không có sẵn các dữ liệu.

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây đột biến.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn):

Ghi chú: Không có sẵn các dữ liệu.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Không có sẵn các dữ liệu.

Nguy cơ khi hít vào

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.04.2017
Sản phẩm: **FoamStar® SI 2293**

Phiên bản: 2.0

(30537951/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 21.10.2025

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

12. Thông tin về sinh thái môi trường

Độc sinh thái

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) > 1 - 10 mg/l, Cá

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (24 h) > 10 - 100 mg/l, *Daphnia magna*

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thực vật thủy sinh:

EC10 (72 h) > 0.1 - 1 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), tảo (ISO 8692)

ảnh hưởng lâu dài Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC50 (0.5 h), vi khuẩn

không được xác định

Độc mãn tính cho loài cá:

Không có sẵn các dữ liệu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:

Không có sẵn các dữ liệu.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

Không dữ liệu nào cho thấy có liên quan đến tác dụng gây độc cho sinh vật trên cạn.

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Không có sẵn các dữ liệu.

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Sản phẩm không được thí nghiệm.

Thông tin bổ sung

Ghi chú thêm về huỷ hoại môi trường và quá trình:

Việc xử lý trong các nhà máy xử lý nước thải công nghệ sinh học phải tuân thủ quy định của địa phương.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.04.2017
Sản phẩm: **FoamStar® SI 2293**

Phiên bản: 2.0

(30537951/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 21.10.2025

13. Biện pháp và quy định về tiêu huỷ hoá chất

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Bao bì không nhiễm bẩn có thể được tái sử dụng.

Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

14. Quy định về vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Vận tải đường thủy

IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Sea transport

IMDG

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

Air transport

IATA/ICAO

15. Thông tin về luật pháp

Thành phần quyết định mối nguy hiểm cho việc dán nhãn: ALCOHOL, C12/C14, ETHOXYLATED, PROPOXYLATED

Những quy định khác

16. Thông tin khác

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.